

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LK
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LK, ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Hạ Uyên.

Ông Phạm Quốc Thân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc Tr, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số nhà 905, đường Nguyễn Trãi, khu phố 5, phường Xuân Hòa, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Th, sinh năm 1963. Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Số nhà 905, đường Nguyễn Trãi, khu phố 5, phường Xuân Hòa, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-10-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Lâm Ngọc Tr trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Ngọc Tr và ông Nguyễn Th chung sống với nhau từ năm 1989, đến năm 2015 vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyền số 01/2015 ngày 13-11-2015.

Đời sống chung của vợ chồng từ năm 1989 đến năm 2015 hạnh phúc, đầm ấm. Đến năm 2016, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau. Theo bà Tr, nguyên nhân chủ yếu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông Th không rõ ràng về tài chính, ngoài ra bà Tr nghi ngờ ông Th có tình cảm với người phụ nữ khác. Vào ngày 27-6-2016, sau khi vợ chồng cãi nhau về vấn đề tiền bạc, ông Th lấy lý do đi mua đồ rồi bỏ đi biệt tích từ đó cho đến nay không quay lại. Bà Tr đã nhiều lần liên hệ với gia đình ông Th để tìm kiếm nhưng không có kết quả, không ai biết ông Th hiện nay làm gì, ở đâu. Năm 2020, bà Tr đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông Th mất tích, được Tòa án nhân dân thành phố LK chấp nhận tại Quyết định số 08/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021. Nay để ổn định đời sống riêng, bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Theo bà Tr, vợ chồng có 02 người con là Nguyễn Thị Thùy Dung, sinh này 21-9-1992 và Nguyễn Nhật Khanh, sinh ngày 18-7-2013. Sau khi ông Th bỏ đi biệt tích, các con do bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật Khanh, sinh ngày 18-7-2013, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng. Đối với con Nguyễn Thị Thùy Dung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà Tr, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên bà Tr đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn ông Nguyễn Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Th, bà Tr kết quả xác minh như sau:

Năm 2089, bà Tr và ông Th về chung sống tại phường Xuân Hòa. Vào năm 2016, vợ chồng ông Th, bà Tr xảy ra xích mích, cãi nhau, sau đó ông Th bỏ nhà đi biệt tích. Bà Tr có nhiều lần nhờ chính quyền tìm kiếm ông Th nhưng không có kết quả (Bút lục số 40, 41).

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền

và nghĩa vụ tổ tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho bà Tr được ly hôn với ông Nguyễn Th. Về con: Đề nghị giao con Nguyễn Nhật Khanh, sinh ngày 18-7-2013 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, đối với con Nguyễn Thị Thùy Dung hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị Lâm Ngọc Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Ngọc Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Th, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Th có nơi cư trú tại: Khu phố 5, phường Xuân Hòa, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LK theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Tr vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Th, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Th xác lập ngày 13-11-2015 (chung sống với nhau từ năm 1989, đến ngày 13-5-2015 với tiến hành đăng ký kết hôn theo luật định) nên Hội đồng xét xử áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Xuân Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13-11-2015. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn bà Tr yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ông Th đã bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2016. Từ đó cho đến nay vợ chồng không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn. Lời khai của các nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị Tr và anh Th đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Ông Th bỏ nhà đi từ năm 2016 và bị Tòa án nhân dân thành phố LK tuyên bố mất tích. Do đó, có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa ông Th và bà Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, thì yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông Th là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn anh Th đã bị Tòa án nhân dân thành phố LK tuyên bố mất tích tại Quyết định số 08/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến ngày xét xử vụ án, vẫn không nhận được lời khai, ý kiến trình bày của ông Th.

[7] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr và ông Th có 02 (Hai) người con là Nguyễn Thị Thùy Dung, sinh này 21-9-1992 và Nguyễn Nhật Khanh, sinh ngày 18-7-2013. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật Khanh, không yêu cầu cấp dưỡng, đối với con Nguyễn Thị Thùy Dung, sinh này 21-9-1992 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, từ khi ông Th bỏ đi biệt tích, các con sống cùng bà Tr, do bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con, mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Tr về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật Khanh, sinh ngày 18-7-2013. Bà Tr không yêu cầu ông Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Bà Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Tr phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc Tr, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Ngọc Tr được ly hôn với ông Nguyễn Th.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Nhật Khanh, sinh ngày 18-7-2013 cho bà Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu.

Ông Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lâm Ngọc Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Tr đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004023 ngày 13-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LK, tỉnh Đồng Nai. Bà Tr đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố LK;
- Chi cục THA thành phố LK;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Xuân Hòa, thành phố LK (GCNKH số 57/2015 ngày 13-11-2015) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố

